Tiếng anh về hoa quả

Câu 1 **What is the English word for "quả táo"?**

A. Apple

B. Banana

C. Orange

D. Grape

Câu 2 **Which fruit is yellow and curved?**

A. Apple

B. Banana

C. Cherry

D. Strawberry

Câu 3 **What is the English word for "quả cam"?**

A. Lemon

B. Orange

C. Peach

D. Mango

Câu 4 **Which fruit is small, red, and often has a pit?**

A. Cherry

B. Watermelon

C. Pineapple

D. Blueberry

Câu 5 **What is the English word for "quả nho"?**

A. Grape

B. Plum

C. Kiwi

D. Pear

Câu 6 **Which fruit is large, green on the outside, and red inside?**

A. Watermelon

B. Papaya

C. Coconut

D. Avocado

Câu 7 **What is the English word for "quả dứa"?**

A. Pineapple

B. Mango

C. Strawberry

D. Raspberry

Câu 8 **Which fruit is known for having many small seeds on the outside?**

A. Strawberry

B. Blueberry

C. Blackberry

D. Cranberry

Câu 9 **What is the English word for "quả xoài"?**

A. Mango

B. Melon

C. Lemon

D. Lime

Câu 10 **Which fruit is fuzzy on the outside and has a large pit?**

A. Peach

B. Pear

C. Plum

D. Apricot

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app